TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2019
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thành Lam**

Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H** - sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 2, ấp C, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Anh Ngô Văn T** - sinh năm: 1981

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau được khoảng một tháng thì hai vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2013. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị dọn về sống cùng với cha mẹ chồng tại ấp N, xã H. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Là

một người chồng, người cha trong gia đình nhưng anh T không có công việc gì, không lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, phụ giúp chị nuôi con. Chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh T vẫn không chịu đi tìm một công việc để làm.

Sau khi chị sinh cháu A thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chị ở nhà sinh con, anh T có đi làm không mang tiền về mua sữa cho con, chị có hỏi anh thì mẹ chồng bênh vực anh T và chửi chị, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị, anh T cũng không nói gì khiến chị cảm thấy giữa hai vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ và thấu hiểu nhau. Đến tháng 12/2015, khi chị sinh cháu Th thì giữa hai vợ chồng càng xảy ra mâu thuẫn, anh T ngày nào cũng chửi chị khiến chị không thể nào chịu đựng được, chị đã góp ý anh cũng không nghe. Đến đầu năm 2016, hai vợ chồng có mở cửa hàng buôn bán ở dưới Long Khánh nhưng do quá bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đến cuối năm 2016, chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện Trảng Bom sinh sống. Từ đó hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, không gặp nhau bàn bạc quay về đoàn tụ gia đình. Đến khoảng tháng 9/2018, thì hai bên gia đình có bàn bạc, khuyên nhủ vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình, chị vì thương con nên đã dọn về nhà cha mẹ chồng sinh sống cùng anh T, còn cha mẹ chồng chị lên Biên Hòa sống để tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng được khoảng một tháng sống chung, do anh T ngày nào cũng chửi chị, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị và cả gia đình chị khiến chị không chấp nhận được. Đến tháng 10/2018, trong một lần xảy ra cãi vã, anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà, nói với chị nếu chị không ra khỏi nhà thì sẽ giết chị, lúc đó chị quá sợ hãi, chị đã vào phòng và đóng cửa lại. Sau sự việc đó, chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Trong khoảng thời gian này, anh T không đến tìm chị, không khuyên nhủ, bàn bạc vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc con cái.

Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai người đó sống, không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

- Về con chung: Chị H thừa nhận vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là: Ngô Quốc A - sinh ngày: 01/4/2014; Ngô Thị Phương Th - sinh ngày: 19/12/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và đồng ý giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hiện tại chị đang làm công nhân công ty Kỳ Lợi. Thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ngoài ra, chị còn được cha mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc và nuôi dạy con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

*** Bị đơn anh Ngô Văn T:**

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Ngô Văn T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên

họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt và trình bày ý kiến của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhận: Theo như chị H trình bày là đúng sự thật, anh và chị H quen biết, tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau được khoảng một tháng thì hai vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2013.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng theo anh những mâu thuẫn trên có thể khắc phục được, không phải là những mâu thuẫn lớn. Anh thừa nhận bản thân nhiều khi tức giận thì cũng có chửi chị H, nhưng do anh tức giận nên mới vậy chứ anh không có ý gì. Anh thừa nhận từ tháng 10/2018 đến nay, hai vợ chồng anh không còn chung sống với nhau. Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện Trảng Bom sinh sống. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn yêu thương chị H và thương hai con.

- Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là: Ngô Quốc A - sinh ngày: 01/4/2014; Ngô Thị Phương Th - sinh ngày: 19/12/2015.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và đồng ý giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu A hiện đang sống cùng anh, ngoài ra anh có cha mẹ ruột phụ giúp trong việc chăm sóc và nuôi dạy cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật đến tham gia phiên tòa đầy đủ.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Phương Th - sinh ngày: 19/12/2015. Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc A - sinh ngày: 01/4/2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Ngô Văn T cư trú tại: Ấp N, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Ngô Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T nhận thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh T chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H và anh T tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 10/2018 cho đến nay. Từ khi ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị H đối với anh T đã không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019, ông Ngô Văn Nh là cha ruột của anh T, cùng chung sống một nhà cho biết: Hai vợ chồng anh T, chị H đã không sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Gia đình hai bên đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh T nhưng vẫn không khắc phục được.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến làm việc để hòa giải và tìm ra các giải pháp để cải thiện tình cảm giữa anh T và chị H nhưng anh T cố tình không đến và vắng mặt tại các buổi hòa giải, từ đó thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H.

[2] Về nuôi con chung: Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Thị Phương Th - sinh ngày: 19/12/2015. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Ngô Quốc A - sinh ngày: 01/4/2014, từ khi chị H không còn chung sống với anh T thì cháu Quốc A đã trực tiếp ở với anh T. Nhằm để cháu ổn định cuộc sống, học tập, hơn nữa chị H cũng đồng ý giao cháu Quốc A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, giao Quốc A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Ngô Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Phương Th - sinh ngày: 19/12/2015. Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc A - sinh ngày: 01/4/2014. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị H, anh T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001535 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Ngọc Thành